TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 94/2017/DS-PT
Ngày: 15/6/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy
Ông Vũ Viết Văn
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017 ngày 18/5/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/QĐPT-HPT ngày 05/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Sơn L, sinh năm 1962
Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1952
Trú tại: LC, XG, huyện D, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Sơn L là: bà Chu Thị T, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông Dương Sơn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

**** Nguyên đơn ông Dương Sơn L trình bày:***

Ngày 06/6/1997 ông có cho ông Nguyễn Hữu T vay số tiền 360.000.000đ, có viết giấy vay tiền nhưng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Mục đích ông T vay tiền để làm ăn kinh doanh. Trong quá trình vay ông T trả ông được 60.000.000đ sau đó ông T không trả ông đồng nào nữa mặc dù ông đã gặp trực tiếp cũng như gửi các văn bản yêu cầu thanh toán nợ đến ông T nhưng đều không nhận được bất kỳ thông tin nào từ ông T.

Nay ông đề nghị Toà án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 11/4/2015 là ngày ông gửi thông báo nợ đầu tiên cho ông T đến nay theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định tại từng thời điểm. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả tiền lãi của số tiền hiện chưa trả ông tính từ ngày 01/8/1997 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (30/3/2017) theo lãi suất mà ông phải trả cho Ngân hàng tại từng thời điểm là 1.024.569.167đ.

**** Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:***

Khoảng năm 1996 ông có vay của ông L số tiền là 150.000.000đ, vay không viết giấy tờ nhưng có thỏa thuận miệng tính lãi suất là 9%/tháng. Đến ngày 06/6/1997 ông L chốt số nợ gốc, lãi và yêu cầu ông viết Giấy vay tiền ghi tổng số tiền nợ ông L là 360.000.000đ. Trong quá trình vay tiền ông đã trả được cho ông L 100.000.000đ. Do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên ông L có giảm lãi suất xuống cho ông là 6%/tháng và viết lại giấy vay tiền ông chỉ còn nợ ông L 140.000.000đ. Sau khi viết lại giấy vay tiền thì ông L cầm giấy và nói với ông là sẽ hủy giấy vay tiền ghi ngày 06/6/1997. Sau đó ông trả tiếp cho ông L 87.000.000đ. Các lần ông trả tiền cho ông L đều có giấy biên nhận nhưng ông L đều giữ hết, ông không giữ bất kỳ giấy tờ nào. Hiện ông chỉ còn nợ ông L 53.000.000đ, ông đồng ý trả cho ông L số tiền này và không đồng ý trả cho ông L số tiền 300.000.000đ cũng như tiền lãi của số tiền 300.000.000đ tính theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định theo như yêu cầu khởi kiện của ông L.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:***

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền nợ gốc là 300.000.000đ. Về số tiền lãi yêu cầu ông T phải trả lãi cho ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Sơn L đối với ông Nguyễn Hữu T.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Dương Sơn L số tiền nợ gốc 300.000.000đ.

3. Bác yêu cầu của ông Dương Sơn L đề nghị ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc 300.000.000đ tính từ ngày 1/8/1997 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 30/3/2017 là 1.024.569.167đ.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải nộp 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Sơn L phải nộp 21.368.537đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 8.639.250đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, ông T còn phải nộp tiếp 12.729.287đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 10/4/2017 ông L có đơn kháng cáo bản án đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử buộc ông T

phải trả ông L tiền lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/8/1997 đến ngày 30/3/2017 là 1.024.569.167đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cấp sơ thẩm buộc ông T phải thanh toán cho ông L số tiền nợ gốc 300.000.000đ là đúng quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi cấp sơ thẩm không chấp nhận là làm thiệt hại đến quyền lợi của ông L bởi lẽ: Trong hợp đồng vay không có thỏa thuận lãi suất, nhưng sau hai tháng kể từ ngày cho vay, ông L có đòi ông T 100.000.000đ nhưng ông T không thanh toán thì hai bên có thỏa thuận miệng là trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Như vậy, tuy trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế các bên đã có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, buộc bị đơn ông T phải thanh toán số tiền lãi của số tiền hiện chưa trả ông L tính từ ngày 01/8/1997 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (30/3/2017) theo lãi suất mà ông phải trả cho Ngân hàng tại từng thời điểm là 1.024.569.167đ.

Ông Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa, tòa án công bố lời khai của ông T.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Ngày 06/6/1997 ông T có viết giấy vay ông L 360.000.000đ. Ông L khai ông T đã trả 60.000.000đ còn 300.000.000đ. Ông T xác nhận có viết giấy vay ông L 360.000.000đ, ông đã trả hết chỉ còn nợ 53.000.000đ nhưng ông T không xuất trình được các tài liệu về số tiền đã thanh toán cho ông L. Giấy vay tiền không thể hiện hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên cấp sơ thẩm buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy:

Về hình thức: Nguyên đơn ông Dương Sơn L kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Do có mối quan hệ trong công việc làm ăn kinh doanh nên ngày 06/6/1997 ông L đã cho ông T vay số tiền 360.000.000đ. Khi cho vay ông T có viết Giấy vay tiền, trong giấy vay không ghi thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn trả. Hai bên không thống nhất được số tiền vay và số tiền đã trả. Ông T thừa nhận giấy vay tiền ghi ngày 06/6/1997 do ông L xuất trình là chính tay ông viết. Do vậy có căn cứ xác định ông T đã vay của ông L 360.000.000đ. Ông L xác định ông T đã thanh toán 60.000.000đ. Ông T xác định chỉ nợ ông L 53.000.000đ nhưng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh ông đã trả

cho ông L được số tiền như ông trình bày nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng vay tài sản giữa ông L và ông T là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi suất và buộc ông T có trách nhiệm thanh toán trả cho ông L số tiền nợ gốc 300.000.000đ là có căn cứ.

Xem xét yêu cầu kháng cáo của ông L nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm ông L khai sau một năm kể từ ngày vay ông T trả được 60.000.000đ, sau đó một năm do không thấy ông T trả tiền ông L đi tìm ông T để đòi tiền nhưng ông T khất lần rồi cũng không trả ông được đồng nào. Tại cấp phúc thẩm ông L khai sau một năm kể từ ngày trả 60.000.000đ, ông L tìm gặp ông T nhiều lần nhưng ông T tránh mặt và cũng không trả tiền cho ông. Ông T khai đã trả ông L làm nhiều đợt, chỉ còn nợ 53.000.000đ nhưng không xuất trình được các tài liệu về số tiền đã thanh toán cho ông L. Hai bên không xuất trình được tài liệu về việc thanh toán 60.000.000đ vào thời gian cụ thể nào, mà chỉ có lời khai của ông L xác định là sau một năm kể từ ngày ông L cho ông T vay tiền nên xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày cuối cùng của năm tức ngày 31/12/1999. Ngày 16/11/2015 ông L nộp đơn khởi kiện tại tòa án. Từ thời điểm phát sinh tranh chấp đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là quá 02 năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ. Đối với kháng cáo của ông L yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về yêu cầu trả tiền lãi do thời hiệu khởi kiện đã hết nên Tòa án không xem xét. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L. Cần sửa cách tuyên của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu về lãi suất.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do Tòa án không xem xét đến yêu cầu về lãi suất nên không buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên sửa án sơ thẩm về án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về án phí nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại dự phí đã nộp.

Vì các lẽ trên áp dụng: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 471, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 27, Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Sơn L đối với ông Nguyễn Hữu T.
2. Buộc ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Dương Sơn L số tiền nợ gốc 300.000.000đ.
3. Không xem xét yêu cầu của ông Dương Sơn L đề nghị ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc 300.000.000đ tính từ ngày 1/8/1997 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 30/3/2017 là 1.024.569.167đ.
4. Về án phí:
Án phí sơ thẩm:
Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.
Ông Dương Sơn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 8.639.250đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04894 ngày 25/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hà Nội.
Án phí phúc thẩm: Ông Dương Sơn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai số 0232 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hà Nội.
Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSNDTPHN;*
- *TAND huyện D;*
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục THADS huyện D;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Liên Anh